

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tạm thời về việc chia sẻ dữ liệu số
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;
Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 93/TTr-STTTT ngày 31 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời về việc chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

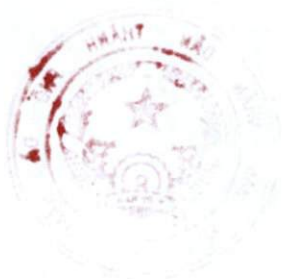
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực TU, HĐND TP (b/c);
- CT, các Phó CT UBND TP;
- Thành viên BCĐ CQĐT và TPTM;
- VP UBND TP: CPVP, P.KT;
- Lưu: VT, STTTT.

15



Huỳnh Đức Thor





QUY CHẾ TẠM THỜI

Về việc chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định các nội dung liên quan đến việc chia sẻ dữ liệu số của các ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức cá nhân trong việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu số.

b) Quy chế này không áp dụng đối với các thông tin, dữ liệu số thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với tất cả các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, phường, xã và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp do UBND thành phố Đà Nẵng quyết định thành lập (sau đây gọi chung là Cơ quan nhà nước); cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan trên (sau đây gọi tắt là CBCCVC-NLĐ).

b) Các cơ quan Trung ương, doanh nghiệp nhà nước có các ứng dụng triển khai cho Cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chia sẻ dữ liệu số là việc chuyển giao, tiếp nhận và sử dụng dữ liệu số giữa các Cơ quan nhà nước với nhau.

2. Cơ quan chủ quản dữ liệu số là Cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ xây dựng, lưu trữ, quản lý, cung cấp dữ liệu số của từng chuyên ngành cụ thể.

3. Cơ sở dữ liệu nền tảng là những cơ sở dữ liệu cơ bản nhất, được đa số các Cơ quan nhà nước có nhu cầu sử dụng, khai thác.

4. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành là những cơ sở dữ liệu của một ngành, lĩnh vực do Cơ quan nhà nước quản lý, được tổ chức thành một hoặc nhiều cơ sở dữ liệu.

5. Cơ sở dữ liệu ở mức thô là những dữ liệu được hình thành trong quá trình trao đổi giữa các cơ quan và được tổ chức quản lý dưới dạng các tập tin

văn bản định dạng PDF 1.5 (Portable Document Format), ODF (Open Document Format), .doc, .xls, .bmp, .gif, .tif,...

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Nguyên tắc phục vụ

Cơ sở dữ liệu nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu ở mức thô của Cơ quan nhà nước là tài sản của nhà nước, được chia sẻ để phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc bí mật

Việc bảo vệ bí mật thông tin công dân trong các cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Hiến pháp năm 2013; Điều 38 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 46 của Luật Giao dịch điện tử, Điều 72 của Luật Công nghệ thông tin, Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND thành phố về việc ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tuân theo các quy định khác của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin, tiếp cận thông tin. Nghiêm cấm các Cơ quan nhà nước, CBCCVC-NLĐ sử dụng, chia sẻ dữ liệu số cá nhân của công dân trái các quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc an toàn, toàn vẹn

Các Cơ quan nhà nước theo chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành phải tổ chức thu thập, lưu trữ, quản lý, cập nhật, duy trì và bảo đảm tính đúng đắn dữ liệu số của ngành mình; có trách nhiệm đồng bộ các cơ sở dữ liệu ngành mình quản lý lên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố để thực hiện chia sẻ cho các Cơ quan nhà nước khác.

4. Nguyên tắc tập trung và chia sẻ

Cơ sở dữ liệu nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được quản lý tập trung, tránh tình trạng cát cứ thông tin, xây dựng trùng lặp, lãng phí, bảo đảm việc quản lý thống nhất và thuận lợi trong việc chia sẻ phục vụ các hoạt động của Cơ quan nhà nước.

5. Nguyên tắc đơn nhất

Các Cơ quan nhà nước không xây dựng, thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu số nếu dữ liệu số đó đã được một Cơ quan nhà nước khác xây dựng, thu thập, khai thác và chia sẻ sử dụng.

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm

1. Truy cập vào các cơ sở dữ liệu bằng tài khoản của người khác.

2. Để cho người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào cơ sở dữ liệu thực hiện các công việc không được giao.

3. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong cơ sở dữ liệu trái quy định, làm thay đổi giao diện; chiếm dụng trái phép quyền quản trị; thay đổi khi chưa được phép cơ quan có thẩm quyền về cấu trúc, thông tin có trong cơ sở dữ liệu.

4. Sử dụng các cơ sở dữ liệu vào những mục đích trái pháp luật, tiết lộ trái pháp luật các thông tin biết được trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu; vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với cơ sở dữ liệu.

5. Những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO, TIẾP NHẬN VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU SỐ

Điều 5. Các loại dữ liệu phải chia sẻ, sử dụng chung

1. Cơ sở dữ liệu nền tảng được cài đặt trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng theo danh mục tại Phụ lục I của Quy chế này.

2. Cơ sở dữ liệu số chuyên ngành và cơ sở dữ liệu ở mức thô của các Cơ quan nhà nước thành phố Đà Nẵng theo danh mục tại Phụ lục II của Quy chế này.

3. Các cơ sở dữ liệu số khác được các Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp nhà nước triển khai tại các sở ban ngành quận huyện, các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Các kỹ thuật chia sẻ dữ liệu số giữa các Hệ thống

Việc chia sẻ dữ liệu số trên các Hệ thống thông tin không được kết nối trực tiếp vào các cơ sở dữ liệu mà thông qua một trong các hình thức kết nối sau:

1. Thông qua webservice, theo hướng dẫn tại Phụ lục IV của Quy chế này và gửi cho đơn vị có liên quan để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu số.

2. Gọi hàm API đã được xây dựng.

3. Kết nối trực tiếp đến tập tin dữ liệu có cấu trúc xml.

Điều 7. Quy định về chuyển giao và tổ chức dữ liệu số dùng chung

1. Cơ quan chủ quản dữ liệu số thực hiện chuyển giao các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức việc chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố.

2. Đối với cơ sở dữ liệu ở mức thô, Cơ quan chủ quản dữ liệu số thực hiện số hóa và tổ chức lưu trữ vào phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành của đơn vị để tiến hành chuyển giao cho Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Cơ quan chủ quản dữ liệu số (tùy thuộc vào hiện trạng cơ sở dữ liệu số) thống nhất với Sở Thông tin và Truyền thông để lựa chọn một trong các kỹ thuật chia sẻ dữ liệu số như mô tả tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Khi chuyển giao, Cơ quan chủ quản dữ liệu số phải cung cấp đặc tả dữ liệu theo mẫu tại Phụ lục III gửi cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức lưu trữ dữ liệu số.

5. Khi có dữ liệu phát sinh mới, Cơ quan chủ quản dữ liệu số chủ động thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để tiến hành tiếp nhận, cập nhật vào cơ sở dữ liệu số chia sẻ, sử dụng chung của Thành phố.

Điều 8. Quy định về khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Các Cơ quan nhà nước có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu số dùng chung của thành phố để phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.

2. Khi có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu số, Cơ quan nhà nước gửi phiếu yêu cầu sử dụng dữ liệu theo mẫu tại Phụ lục V đến Sở Thông tin và Truyền thông thông qua thư điện tử theo địa chỉ stttt@danang.gov.vn hoặc Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành. Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra yêu cầu của đơn vị và thông báo thực hiện chia sẻ dữ liệu số theo các hình thức quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Theo đề nghị của Cơ quan chủ quản dữ liệu số và đặc tả cơ sở dữ liệu, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác phối hợp để quyết định nội dung và tần suất chia sẻ dữ liệu (một lần, định kỳ hoặc chia sẻ theo thời gian thực) cho phù hợp.

4. Các Cơ quan nhà nước khi khai thác, sử dụng dữ liệu số được chia sẻ để báo cáo, có trách nhiệm ghi rõ nguồn, mốc thời gian,... để bảo đảm độ tin cậy và quyền sở hữu trí tuệ.

Chương III QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ, CẬP NHẬT VÀ KHAI THÁC DỮ LIỆU

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông về tiếp nhận, tổ chức lưu trữ và điều phối chia sẻ dữ liệu số

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn giúp UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu số chia sẻ, sử dụng chung của thành phố, cụ thể:

1. Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu số khác,... phải chia sẻ, sử dụng chung, trình UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt.

2. Hướng dẫn, cập nhật các kỹ thuật chia sẻ dữ liệu (nếu có) giữa các Hệ thống để quản lý, theo dõi, hỗ trợ các Cơ quan nhà nước khi có nhu cầu.

3. Tiếp nhận dữ liệu số do các Cơ quan nhà nước cung cấp; xây dựng, tổ chức cơ sở dữ liệu để lưu trữ, đồng bộ, sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu, triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh thông tin để việc chia sẻ dữ liệu số cho các Cơ quan nhà nước an toàn, hiệu quả.

4. Tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân về các quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND thành phố Đà Nẵng có liên quan đến việc chia sẻ dữ liệu số.

5. Hàng năm, tổng hợp kiến nghị, đề xuất của các ngành về danh mục các cơ sở dữ liệu cần chia sẻ; báo cáo định kỳ theo Quý và đột xuất cho UBND thành phố về tình hình chia sẻ dữ liệu số.

6. Hướng dẫn, thẩm định kinh phí số hóa, cập nhật dữ liệu của các Cơ quan nhà nước, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện; theo dõi, giám sát, đôn đốc các cơ quan thực hiện.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí cho các Cơ quan nhà nước để triển khai các nhiệm vụ công tác trong quá trình xây dựng, vận hành chia sẻ dữ liệu số giữa các ngành.

Điều 11. Trách nhiệm của các Cơ quan chủ quản dữ liệu trong việc quản lý, cập nhật và chia sẻ dữ liệu số

1. Bảo đảm việc vận hành, trích xuất dữ liệu; cập nhật kịp thời, đầy đủ chính xác các dữ liệu phát sinh mới để bảo đảm tính sẵn sàng cao trong việc chia sẻ dữ liệu số.

2. Xây dựng, ban hành hướng dẫn việc vận hành, thu thập, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành; trong đó phân công rõ trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị.

3. Xây dựng kế hoạch, phương án số hóa, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi quản lý của đơn vị mình.

4. Cung cấp thường xuyên cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thực hiện chia sẻ kịp thời dữ liệu số khi hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng chính thức.

5. Lập danh mục các kỹ thuật chia sẻ dữ liệu số giữa các Hệ thống thông tin mà cơ quan đang quản lý, vận hành để quản lý, chủ động trong việc chia sẻ dữ liệu số.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu số

1. Quán triệt và triển khai các nội dung của quy định này đến công chức, viên chức, người lao động.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu số được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và tra cứu, tham khảo trong quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

3. Thông báo cho Cơ quan chủ quản dữ liệu số, Sở Thông tin và Truyền thông trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số; dữ liệu số không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

4. Báo cáo định kỳ theo năm cho Sở Thông tin và Truyền thông theo phụ lục VI, để tổng hợp trình UBND thành phố về tình hình chia sẻ, sử dụng, cập nhật dữ liệu số.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, phường, xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này; theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quy chế và tham mưu UBND thành phố sửa đổi, bổ sung Quy chế kịp thời, phù hợp.

Điều 14. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố. /.

Chad

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thơ

Phụ lục I

DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

STT	Tên Cơ sở dữ liệu	Ghi chú
1	Cơ sở dữ liệu công dân	Đã có CSDL trên Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng
2	Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp	
3	Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức	
4	Cơ sở dữ liệu bản đồ	
5	Cơ sở dữ liệu mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	

Phụ lục II
DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 146./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên Dữ liệu	Ghi chú
1	Ngành Tài nguyên và Môi trường	
a)	Dữ liệu Đất đai	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu Quan trắc môi trường	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu tài nguyên nước	
d)	Dữ liệu tài nguyên khoáng sản	
đ)	Dữ liệu tài nguyên biển và hải đảo	
e)	Dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	
g)	Dữ liệu quỹ đất kêu gọi đầu tư	
h)	Dữ liệu về cấp nước thủy cục	
i)	Dữ liệu về kết quả thanh kiểm tra doanh nghiệp về chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến môi trường	
2	Ngành Xây dựng	
a)	Dữ liệu đơn xin thuê, mua căn hộ chung cư	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu cây xanh	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu cấp phép xây dựng	
d)	Dữ liệu quy hoạch xây dựng	
đ)	Dữ liệu giám định công trình	
e)	Dữ liệu hạ tầng kỹ thuật	
g)	Dữ liệu quản lý xây dựng	
h)	Dữ liệu kinh tế và vật liệu xây dựng	
i)	Dữ liệu quản lý nhà và thị trường bất động sản	
k)	Dữ liệu về các đơn vị kinh doanh du lịch được cấp đầu nổi thoát nước xả thải	
3	Lao động, Thương binh và Xã hội	
a)	Dữ liệu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu cơ sở dạy nghề	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm	Đã có CSDL
d)	Dữ liệu người khuyết tật	Đã có CSDL
đ)	Dữ liệu Thực trạng nhà ở hộ người có công với cách mạng	Đã có CSDL

e)	Dữ liệu người tâm thần	Đã có CSDL
g)	Dữ liệu mộ liệt sỹ	Đã có CSDL
h)	Dữ liệu phân cung lao động	Đã có CSDL
i)	Dữ liệu hỗ trợ miễn giảm tiền sử dụng đất	Đã có CSDL
k)	Dữ liệu Hộ nghèo, hộ cận nghèo	Đã có CSDL
l)	Dữ liệu về số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm tại các cơ sở đào tạo nghề	
m)	Dữ liệu về lao động nước ngoài trên địa bàn thành phố được cấp phép	
4	Ngành Tư pháp	
a)	Dữ liệu Lý lịch tư pháp	CSDL Trung ương
b)	Dữ liệu xử lý vi phạm hành chính ngành Tư pháp	CSDL Trung ương
c)	Dữ liệu hộ tịch	CSDL Trung ương
d)	Dữ liệu công chứng	
đ)	Dữ liệu các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực liên quan tại thành phố	
5	Ngành Bảo hiểm	
	Dữ liệu Bảo hiểm xã hội	
6	Ngành Kế hoạch và Đầu tư	
a)	Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu dự án xây dựng cơ bản, ODA	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu các dự án được cấp Chứng nhận đầu tư	
7	Ngành Giáo dục và Đào tạo	
a)	Dữ liệu học sinh	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu giáo viên	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu trường học	Đã có CSDL
8	Ngành Y tế	
a)	Dữ liệu hồ sơ sức khỏe	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu hành nghề y	
c)	Dữ liệu nhà thuốc	Đã có CSDL
d)	Dữ liệu cơ sở tiêm chủng	Đã có CSDL
đ)	Dữ liệu về cơ sở dịch vụ massage, spa	
e)	Dữ liệu an toàn thực phẩm	Đã có CSDL

9	Ngành Giao thông Vận tải	
a)	Dữ liệu Cấp phép lái xe	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu hệ thống quản lý xe buýt	
c)	Dữ liệu liên quan đến cấp biển hiệu phù hiệu xe	Lưu trữ trên phần mềm Bộ GTVT
d)	Dữ liệu các loại giấy phép thi công, đường cấm	
10	Ngành Công an (các trường dữ liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	
a)	Dữ liệu đăng ký phương tiện xe cơ giới	
b)	Dữ liệu xử lý vi phạm giao thông	
c)	Dữ liệu tai nạn giao thông	
d)	Dữ liệu cấp giấy chứng minh nhân dân	
đ)	Dữ liệu quản lý nhân, hộ khẩu	
e)	Dữ liệu khai báo đăng ký khách tại các cơ sở lưu trú; người nước ngoài đăng ký tạm trú trong khu dân cư	
g)	Dữ liệu về cơ sở kinh doanh được cấp giấy chứng nhận về PCCC, ANTT	
h)	Dữ liệu về người nước ngoài nhập cảnh qua cửa khẩu (sân bay, cảng...) Đà Nẵng	
11	Ngành Thanh tra	
a)	Dữ liệu đơn thư khiếu nại, tố cáo	Đã có CSDL
b)	Dữ liệu thanh tra	Đã có CSDL
12	Ngành Công Thương	
a)	Dữ liệu về cơ sở mua sắm, siêu thị	
b)	Dữ liệu khuyến mại	
13	Ngành Tài chính	
a)	Dữ liệu về giá	
b)	Dữ liệu ngân sách	Đã có CSDL
c)	Dữ liệu công sản	Đã có CSDL

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

MẪU ĐẶC TẢ CƠ SỞ DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Mô tả cơ sở dữ liệu (CSDL)

a) Tên CSDL:

b) CSDL được hình thành từ:

☐ Hệ thống/Phần mềm:

☐ Thu thập và tổng hợp:

c) Loại CSDL: ☐ Nền; ☐ Chuyên ngành ☐ Khác

Mô tả:

2. Cấu trúc dữ liệu

a) Phần mềm CSDL: ☐ PostgreSQL ☐ ORACLE ☐ MS SQL
☐ MS ACCESS ☐ B2 ☐ EXCEL

b) Mô tả chi tiết CSDL:

- Dung lượng CSDL: MB

- Mô tả chi tiết CSDL điền vào các thông tin dưới đây:

STT	Tên bảng dữ liệu	Mục đích của bảng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

c) Mỗi bảng dữ liệu được mô tả chi tiết như sau:

Tên bảng dữ liệu:			
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa	Khoá chính
Tên trường 1			☐
Tên trường 2			☐
Tên trường 3			☐
.....			☐
Tên trường....			☐
			☐
			☐
			☐

Đà Nẵng, ngày tháng năm
Lãnh đạo đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV
MÔ TẢ WEBSERVICE

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Mô hình tổng quan: Mô tả mô hình tổng quan kết nối của webservice
2. Địa chỉ truy cập: Mô tả địa chỉ truy cập webservice
3. Các hàm chức năng

STT	Hàm chức năng	Mô tả

4. Mô tả chi tiết hàm chức năng

Đối với từng hàm chức năng mô tả các thông tin dữ liệu đầu vào, đầu ra theo hướng dẫn bên dưới

- a) Dữ liệu truyền vào

- Bảng mô tả

Nhãn	Dạng dữ liệu	Bắt buộc	Ghi chú

- Cấu trúc file xml truyền dữ liệu

```
<arg0>
  <tag 1>
  </tag 1>
  <tag 2>
    <tag 2.1></tag 2.1>
    <tag 2.2></tag2.2>
    ...
  </tag 2>
  ...
</arg0>
```

b) Dữ liệu trả về

Nhãn	Dạng dữ liệu	Ghi chú

Cấu trúc xml trả về

```
<return>
  <listNodeResult>
    <ketqua1></ketqua1>
    <ketqua2></ketqua2>
    ...
  </listNodeResult>
  ...
</return>
```

Đà Nẵng, ngày tháng năm
Lãnh đạo đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục V

PHIẾU YÊU CẦU SỬ DỤNG DỮ LIỆU

**Về việc sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử
thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

1. Nội dung yêu cầu: Thực hiện tiếp nhận, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin chi tiết về việc tiếp nhận, sử dụng dữ liệu:

a) Tên dữ liệu:

b) Mục đích sử dụng:

c) Hình thức chia sẻ:.....

3. Đầu mối liên lạc

a) Họ và Tên:

b) Điện thoại:

c) Email:

Đà Nẵng, ngày tháng năm

Lãnh đạo đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

<u>TÊN CƠ QUAN</u>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
--------------------	--

Phụ lục VI
BÁO CÁO

Tình hình chia sẻ, sử dụng và cập nhật dữ liệu số thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 846./QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên CSDL	Chia sẻ	Sử dụng	Cập nhật	Xây dựng mới
A	Về CSDL				
I	CSDL nền tảng			Thông kê đến ngày báo cáo	
1	Tên CSDL 1	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có
		Tên các cơ quan chia sẻ/sử dụng: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng:		- Dung lượng cũ: GB - Số lượng bản ghi cũ: Record - Dung lượng mới: GB - Số lượng bản ghi mới: Record	

2	Tên CSDL 2	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	
		Tên các cơ quan chia sẻ/sử dụng: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng:			
II	CSDL chuyên ngành	Chia sẻ	Sử dụng	Cập nhật	Xây dựng mới
1	Tên CSDL 1	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	
		Tên các cơ quan chia sẻ/sử dụng: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng:			

[illegible]

Đà Nẵng, ngày tháng năm

Lãnh đạo đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)